



Số: 0188(5)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước sinh hoạt
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,6°C)	-	7,29	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	51,6	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	88,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,30	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,14	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,79	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	3,25	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	0,173	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	4.100	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0188(5)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại cửa xả nước thải
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT11/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,8°C)	-	7,19	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	57,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,7	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,46	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,81	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,98	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.200	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.